

Số: 69/TCHC-VTHH

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội
- Mã chứng khoán: HHN
- Trụ sở chính: 27/785 đường Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cố định: 0243. 864 2881 Fax: 0243. 864 2881
- Người phụ trách công bố thông tin: Nguyễn Thị Ngọc Hân
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty
- Điện thoại: 0989 9927 99
- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố:

Ngày 21/03/2024 Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội công bố Báo cáo tài chính số 2.0204/24/TC-AC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C tại Hà Nội.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty: www.vantaihanoi.com.vn ngày 21/03/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. Đơn vị thực hiện: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính số 2.0204 /24/TC-AC
đã kiểm toán năm 2023.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Thị Ngọc Hân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 13 - 27 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội theo Quyết định số 2480/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103000140, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh. Trong đó, đăng ký thay đổi lần thứ 16 là ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 6423 611
- Fax : 0243 8642 881

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bến, bãi, kho xưởng, quầy quán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Bùi Hồng Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phạm Hải Đăng | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Trần Thị Huế | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2021 |
| Ông Vũ Hữu Tuyển | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm |
|--------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Lê Quỳnh Trang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Phan Bá Triều | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Đức Duy | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2020 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|---------------------|----------------|---------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |
| Ông Đinh Quang Tùng | Phó Giám đốc | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |
| Ông Dương Bảo Kiên | Kế toán trưởng | Ngày 20 tháng 06 năm 2020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2020).

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

Số: 2.0204/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Theo thuyết minh số V.1 đang phản ánh số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Trì, số tiền: 4.316.451 VND. Người đứng tên chủ tài khoản này là Lãnh đạo cũ đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác của Công ty, Công ty không phát sinh giao dịch của tài khoản này kể từ năm 2010 cho đến nay và cũng chưa làm các thủ tục đóng tài khoản cũng như chuyển đổi thông tin chủ tài khoản.
- Theo thuyết minh số V.14a, đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09 ngày 23 tháng 02 năm 2002 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội và Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam và phụ lục đính kèm, Công ty đang tạm phân chia kết quả hợp tác kinh doanh theo tỷ lệ hai bên thỏa thuận là: Công ty hưởng 8/15, Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam hưởng 7/15. Theo đó Công ty đã ghi nhận lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2023 là 764.013.008 VND, lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2023 là 2.563.543.934 VND. Kết quả này có thể thay đổi khi hai bên thực hiện quyết toán toàn bộ giá trị hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 23.828.308.922 | 23.067.971.112 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 10.057.558.265 | 9.455.191.361 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.520.906.358 | 4.633.755.062 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.536.651.907 | 4.821.436.299 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.870.420.584 | 5.681.315.129 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 5.870.420.584 | 5.681.315.129 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.363.249.132 | 4.438.806.999 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 3.427.335.025 | 3.472.943.541 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 370.906.274 | 462.269.911 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 2.550.803.362 | 2.436.977.936 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.985.795.529) | (1.933.384.389) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.537.080.941 | 3.492.657.623 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 74.420.441 | 29.997.122 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 3.462.660.500 | 3.462.660.501 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 11.188.757.936 | 10.694.729.492 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.459.136.196 | 3.736.100.897 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 4.459.136.196 | 3.736.100.897 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 35.335.754.094 | 33.396.011.094 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (30.876.617.898) | (29.659.910.197) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 569.841.218 | 569.841.218 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (569.841.218) | (569.841.218) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.9 | 6.275.332.443 | 6.669.362.439 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 8.668.659.843 | 8.668.659.843 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (2.393.327.400) | (1.999.297.404) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 454.289.297 | 289.266.156 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 454.289.297 | 289.266.156 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 35.017.066.858 | 33.762.700.604 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 9.508.810.839 | 10.433.926.789 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 8.745.366.839 | 10.433.926.789 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 1.584.834.234 | 1.328.649.562 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 173.395.930 | 859.269.909 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 972.154.037 | 868.308.537 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 363.125.250 | 383.247.550 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 194.082.364 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.13 | 639.433.933 | 988.043.100 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14a | 4.928.066.750 | 5.740.673.412 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.15 | 84.356.705 | 71.652.355 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 763.444.000 | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14b | 763.444.000 | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 25.508.256.019 | 23.328.773.815 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 25.508.256.019 | 23.328.773.815 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 14.400.000.000 | 14.400.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 14.400.000.000 | 14.400.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 3.390.662.507 | 3.341.593.224 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 7.717.593.512 | 5.587.180.591 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.040.685.598 | 5.587.180.591 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.676.907.914 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 35.017.066.858 | 33.762.700.604 |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Đức Duy

Kế toán trưởng

Dương Bảo Kiên

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 30.501.703.102 | 29.568.076.372 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 30.501.703.102 | 29.568.076.372 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 19.001.162.072 | 19.592.860.468 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 11.500.541.030 | 9.975.215.904 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 754.959.865 | 365.955.849 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 8.296.276.987 | 6.753.457.407 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.959.223.908 | 3.587.714.346 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 125.072.765 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 312.598.251 | 14.327.156 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (187.525.486) | (14.327.156) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.771.698.422 | 3.573.387.190 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1.094.790.508 | 741.628.656 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 2.676.907.914 | 2.831.758.534 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | 1.487 | 1.921 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | 1.487 | 1.921 |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Đức Duy

Kế toán trưởng

Dương Bảo Kiên

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|----------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 3.771.698.422 | 3.573.387.190 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 1.610.737.697 | 1.529.441.214 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 52.411.140 | 71.829.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (748.843.612) | (365.955.849) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 4.686.003.647 | 4.808.701.555 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 41.751.764 | (3.957.178.075) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (2.410.555.162) | 2.599.043.465 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (209.446.460) | 793.843.061 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (942.313.646) | (746.560.308) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 5.778.640 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (58.500.000) | (249.824.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.112.718.783 | 3.248.025.698 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (619.485.000) | (1.666.408.602) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (1.689.105.455) | (3.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.500.000.000 | 200.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 730.238.576 | 325.289.068 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (78.351.879) | (4.641.119.534) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | | |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (432.000.000) | (722.940.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (432.000.000) | (722.940.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 602.366.904 | (2.116.033.836) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 9.455.191.361 | 11.571.225.197 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 10.057.558.265 | 9.455.191.361 |

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Đức Duy

Kế toán trưởng

Dương Bảo Kiên

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quày quán...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 77 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 79 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 15 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư của công ty là nhà được khấu hao trong 22 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, dịch vụ và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 1.334.257.071 | 1.818.007.620 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.186.649.287 | 2.815.747.442 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 6.536.651.907 | 4.821.436.299 |
| Cộng | <u>10.057.558.265</u> | <u>9.455.191.361</u> |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 5 – 6 tháng, lãi suất từ 4,25 – 8%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định | 1.571.722.200 | 1.571.722.200 |
| Công ty TNHH Hoàng Tân Hòa | 278.700.000 | 134.700.000 |
| Ông Trần Thanh Toàn | 198.142.000 | 576.639.000 |
| Các khách hàng khác | 1.378.770.825 | 1.189.882.341 |
| Cộng | <u>3.427.335.025</u> | <u>3.472.943.541</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Việt | 143.000.000 | 143.000.000 |
| Công ty Luật TNHH Vinawin | 3.636.363 | 80.000.000 |
| Công ty TNHH Fisa Việt Nam | 183.245.200 | 183.245.200 |
| Các nhà cung cấp khác | 41.024.711 | 56.024.711 |
| Cộng | <u>370.906.274</u> | <u>462.269.911</u> |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|----------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng | 2.333.320.000 | - | 2.253.387.000 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 92.849.062 | - | 74.244.026 | - |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá | 1.778.640 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 122.855.660 | (92.936.728) | 109.346.910 | (92.936.728) |
| Cộng | <u>2.550.803.362</u> | <u>(92.936.728)</u> | <u>2.436.977.936</u> | <u>(92.936.728)</u> |

6. Nợ xấu

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đoàn xe khách | 92.936.728 | (92.936.728) | 92.936.728 | (92.936.728) |
| Công ty Cổ phần Kuma Việt Nam | 12.401.309 | (12.401.309) | 12.401.309 | (12.401.309) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Đô | 21.419.292 | (21.419.292) | 21.419.292 | (21.419.292) |
| Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định | 1.571.722.200 | (1.571.722.200) | 1.571.722.200 | (1.571.722.200) |
| Công ty TNHH Vận tài Tuấn Thành | 287.316.000 | (287.316.000) | 287.316.000 | (234.904.860) |
| Cộng | <u>1.985.795.529</u> | <u>(1.985.795.529)</u> | <u>1.985.795.529</u> | <u>(1.933.384.389)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 1.933.384.389 | 1.861.555.389 |
| Trích lập dự phòng | 52.411.140 | 71.829.000 |
| Số cuối năm | <u>1.985.795.529</u> | <u>1.933.384.389</u> |

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 24.910.069 | - |
| Phí bảo hiểm tài sản | - | 29.997.122 |
| Chi phí sửa chữa | 27.664.220 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 21.846.152 | - |
| Cộng | <u>74.420.441</u> | <u>29.997.122</u> |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 176.257.413 | - |
| Chi phí sửa chữa | 244.031.903 | 222.985.013 |
| Chi phí giấy phép xả thải | 33.999.981 | 47.599.989 |
| Chi phí thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện | - | 18.681.154 |
| Cộng | <u>454.289.297</u> | <u>289.266.156</u> |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 30.562.316.208 | 1.418.425.729 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 33.396.011.094 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 1.128.713.000 | 811.030.000 | - | - | 1.939.743.000 |
| Số cuối năm | <u>31.691.029.208</u> | <u>2.229.455.729</u> | <u>1.321.007.557</u> | <u>94.261.600</u> | <u>35.335.754.094</u> |

Trong đó:

| | | | | | |
|---------------------------------------|----------------|-------------|---------------|------------|----------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 22.412.509.361 | 147.033.915 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 23.974.812.433 |
| Chờ thanh lý | | | | | |

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|--------------------|------------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 28.088.424.527 | 156.216.513 | 1.321.007.557 | 94.261.600 | 29.659.910.197 |
| Khấu hao trong năm | 995.372.697 | 221.335.004 | - | - | 1.216.707.701 |
| Số cuối năm | <u>29.083.797.224</u> | <u>377.551.517</u> | <u>1.321.007.557</u> | <u>94.261.600</u> | <u>30.876.617.898</u> |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.473.891.681 | 1.262.209.216 | - | - | 3.736.100.897 |
| Số cuối năm | <u>2.607.231.984</u> | <u>1.851.904.212</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>4.459.136.196</u> |

Trong đó:

| | | | | | |
|-----------------------|--|--|--|--|--|
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Là nhà cho thuê tại 23 Hàn Thuyên

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 8.668.659.843 | (1.999.297.404) | 6.669.362.439 |
| Khấu hao trong năm | - | (394.029.996) | (394.029.996) |
| Số cuối năm | 8.668.659.843 | (2.393.327.400) | 6.275.332.443 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng Quảng cáo Thương mại Tiền Thành | 260.335.900 | - |
| Công ty Cổ phần PCCC và Chuyển giao công nghệ Phương Đông | 479.685.800 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Thăng Long | 651.350.160 | 1.084.719.120 |
| Các nhà cung cấp khác | 193.462.374 | 243.930.442 |
| Cộng | 1.584.834.234 | 1.328.649.562 |

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Lâm Long | 16.255.290 | 10.590.770 |
| Công ty TNHH Núi Tuấn | 25.303.161 | 25.303.161 |
| Công ty TNHH Đăng kiểm Giải Phóng | - | 282.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương | - | 132.465.386 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển TMDV Toàn Phát | - | 132.360.000 |
| Các khách hàng khác | 131.837.479 | 276.550.592 |
| Cộng | 173.395.930 | 859.269.909 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 482.966.048 | - | 2.718.118.548 | (2.921.353.367) | 279.731.229 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 372.689.781 | - | 1.247.593.110 | (942.313.646) | 677.969.245 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.652.708 | - | 13.641.013 | (11.840.158) | 14.453.563 | - |
| Tiền thuê đất | - | 3.462.660.501 | 10.136.221.641 | (10.136.221.640) | - | 3.462.660.500 |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Cộng | 868.308.537 | 3.462.660.501 | 14.118.574.312 | (14.014.728.811) | 972.154.037 | 3.462.660.500 |

| | | | |
|---------------|---|---|----------------------|
| (*) Trong đó: | Thuế TNDN Công ty phải nộp | : | 1.094.790.508 |
| | Thuế TNDN nộp hộ cho hoạt động hợp tác kinh doanh | : | 152.802.602 |
| | Cộng | : | 1.247.593.110 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---------------------|-----|
| - Dịch vụ nước sạch | 5% |
| - Dịch vụ khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.771.698.422 | 3.573.387.190 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.030.702.193 | 134.756.088 |
| <i>Phạt chậm nộp thuế</i> | 312.598.251 | 7.080.670 |
| <i>Chi phí khấu hao tương ứng phần nguyên giá TS 23 Hàn Thuyên không được trừ</i> | 48.429.132 | 48.429.132 |
| <i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i> | 72.000.000 | 72.000.000 |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i> | 597.674.810 | 7.246.286 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 4.802.400.615 | 3.708.143.278 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 960.480.123 | 741.628.656 |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước | 134.310.385 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.094.790.508 | 741.628.656 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

| <u>Vị trí đất</u> | <u>Mức tiền thuê (VND/năm)</u> |
|--|--------------------------------|
| - Số 2 Lãng Yên, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 1.183.750.724 |
| - Số 23 Hàn Thuyên, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội | 135.075.978 |
| - Số 292 Bạch Đằng, Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 715.437.087 |
| - Số 27/785 Trương Định, Q.Hoàng Mai, Hà Nội | 8.101.957.851 |
| Cộng | 10.136.221.640 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền nhận trước về Dịch vụ kho bãi, quầy quán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>147.081.600</i> | <i>147.081.600</i> |
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Cổ tức phải trả | 147.081.600 | 147.081.600 |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>4.780.985.150</i> | <i>5.593.591.812</i> |
| Phải trả Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam tiền hợp tác kinh doanh (*) | 2.563.543.934 | 2.789.732.096 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 137.978.400 | 137.978.400 |
| Phải trả tiền đặt cọc thuê kho | 2.011.381.516 | 2.597.800.016 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 68.081.300 | 68.081.300 |
| Cộng | <u>4.928.066.750</u> | <u>5.740.673.412</u> |

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09 ngày 23 tháng 02 năm 2002 giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội và Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam về việc góp vốn nâng cấp, cải tạo kho xưởng trên diện tích 10.000 m² tại 27/785 đường Trương Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội để kinh doanh và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 năm 3 năm 2014 về việc kéo dài thời gian hợp tác kinh doanh đến ngày 22 tháng 02 năm 2019 thì việc phân chia kết quả hợp tác kinh doanh thực hiện theo tỷ lệ: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội là: 8/15, Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam là: 7/15.

Trong năm 2023, Công ty đang tạm phân chia kết quả kinh doanh kho xưởng để tạm xác định doanh thu, giá vốn và tiền thuế nộp hộ cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nam năm 2023 như sau:

| | | |
|---|---|---------------|
| Doanh thu phân chia | : | 3.529.325.075 |
| Giá vốn phân chia | : | 2.765.312.067 |
| Lợi nhuận phân chia | : | 764.013.008 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ | : | 152.802.602 |
| Số tiền phải trả cho hoạt động hợp tác kinh doanh năm 2023 | : | 611.210.406 |
| Số tiền phải trả cho hoạt động hợp tác kinh doanh lũy kế đến 2023 | : | 2.563.543.934 |

14b. Phải trả ngắn hạn khác

Là khoản đặt cọc thuê kho bãi dài hạn.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------------------|--------------------------|---|-------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 20.008.505 | 32.712.855 | 4.000.000 | (58.500.000) | (1.778.640) |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 51.643.850 | 32.712.855 | - | - | 84.356.705 |
| Cộng | <u>71.652.355</u> | <u>65.425.710</u> | <u>4.000.000</u> | <u>(58.500.000)</u> | <u>82.578.065</u> |

(*) Số dư quỹ Khen thưởng phúc lợi âm được trình bày ở chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh V.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 14.400.000.000 | 2.767.605.950 | 4.437.158.381 | 21.604.764.331 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 2.831.758.534 | 2.831.758.534 |
| Trích lập các quỹ | - | 573.987.274 | (832.486.641) | (258.499.367) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (720.000.000) | (720.000.000) |
| Trích quỹ Ban điều hành | - | - | (129.249.683) | (129.249.683) |
| Số dư cuối năm trước | 14.400.000.000 | 3.341.593.224 | 5.587.180.591 | 23.328.773.815 |
| Số dư đầu năm nay | 14.400.000.000 | 3.341.593.224 | 5.587.180.591 | 23.328.773.815 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 2.676.907.914 | 2.676.907.914 |
| Trích lập các quỹ | - | 49.069.283 | (81.782.138) | (32.712.855) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | (432.000.000) | (432.000.000) |
| Trích quỹ Ban điều hành | - | - | (32.712.855) | (32.712.855) |
| Số dư cuối năm nay | 14.400.000.000 | 3.390.662.507 | 7.717.593.512 | 25.508.256.019 |

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 7.354.200.000 | 7.354.200.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 7.045.800.000 | 7.045.800.000 |
| Cộng | 14.400.000.000 | 14.400.000.000 |

16c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.440.000 | 1.440.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 1.440.000 | 1.440.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 1.440.000 | 1.440.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 106/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 như sau:

| | VND |
|-----------------------------------|-------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 49.069.283 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 32.712.855 |
| • Trích quỹ thưởng Ban điều hành | 32.712.855 |
| • Chia cổ tức | 432.000.000 |

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Các tài sản thuê hoạt động dài hạn bao gồm:

- Thuê 159,2 m2 đất tại 23 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng làm văn phòng làm việc và cho thuê, với giá thuê được xác định theo từng thời kỳ. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.
- Thuê 34.902 m2 đất tại 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe, với đơn giá được xác định theo từng thời kỳ. Tiền thuê được thanh toán hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản thuê hoạt động với hợp đồng thuê được gia hạn hàng năm, bao gồm:

- Thuê 10.636 m² đất tại 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.
- Thuê 2.751 m² đất tại 2 Lãng Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và bãi đỗ xe. Hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm. Tiền thuê được thanh toán 6 tháng/1 lần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu các Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quày quán, điện, nước.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn các Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quày quán, điện, nước.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 754.959.865 | 352.505.849 |
| Lãi đầu tư trái phiếu | - | 13.450.000 |
| Cộng | <u>754.959.865</u> | <u>365.955.849</u> |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.869.990.200 | 3.680.648.650 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 92.371.550 | 85.746.636 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 54.949.226 | 136.167.794 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 151.579.999 | 140.157.516 |
| Thuế, phí và lệ phí | 263.783.407 | 248.055.042 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 52.411.140 | 71.829.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.535.009.149 | 407.880.265 |
| Các chi phí khác | 2.276.182.316 | 1.982.972.504 |
| Cộng | <u>8.296.276.987</u> | <u>6.753.457.407</u> |

5. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------|------------------|
| Thu thanh lý vật tư đã qua sử dụng | 39.062.209 | - |
| Xử lý công nợ tồn đọng | 86.010.556 | - |
| Cộng | <u>125.072.765</u> | <u>-</u> |

6. Chi phí khác

Là tiền phạt vi phạm hành chính, phạt thuế chậm nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.676.907.914 | 2.831.758.534 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (267.690.791) | (32.712.855) |
| Trích quỹ Ban điều hành | (267.690.791) | (32.712.855) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 2.141.526.331 | 2.766.332.824 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.440.000 | 1.440.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.487 | 1.921 |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, tăng từ 1.770 VND lên 1.921 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 106/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023.

Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành được tạm tính theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm nay.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 196.713.776 | 221.914.430 |
| Chi phí nhân công | 8.813.283.454 | 9.805.760.200 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.610.737.697 | 1.529.441.214 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.346.670.091 | 3.631.253.057 |
| Chi phí thuê đất | 3.455.950.177 | 10.136.221.639 |
| Chi phí khác | 3.874.083.864 | 689.845.309 |
| Cộng | 27.297.439.059 | 26.014.444.849 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Bùi Hồng Sơn - Chủ tịch HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phạm Hải Đăng - Phó CT HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Vũ Hữu Tuyển - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Huế - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lê Quỳnh Trang - Trưởng BKS | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phan Bá Triều - Thành viên BKS | - | - | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Duy - Thành viên BKS | 79.459.100 | 28.725.000 | 9.000.000 | 117.184.100 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | 228.308.500 | 84.975.000 | - | 313.283.500 |
| Ông Đinh Quang Tùng - Phó Giám đốc | 168.138.700 | 62.475.000 | - | 230.613.700 |
| Ông Dương Bảo Kiên - Kế toán trưởng | 137.457.100 | 51.225.000 | - | 188.682.100 |
| Cộng | 613.363.400 | 227.400.000 | 108.000.000 | 948.763.400 |
| Năm trước | | | | |
| Ông Bùi Hồng Sơn - Chủ tịch HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phạm Hải Đăng - Phó CT HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Vũ Hữu Tuyển - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Huế - Ủy viên HĐQT | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lê Quỳnh Trang - Trưởng BKS | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Phan Bá Triều - Thành viên BKS | - | - | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Duy - Thành viên BKS | 76.293.100 | 21.650.000 | 9.000.000 | 106.943.100 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc | 225.337.900 | 64.150.000 | - | 289.487.900 |
| Ông Đinh Quang Tùng - Phó Giám đốc | 165.568.000 | 47.150.000 | - | 212.718.000 |
| Ông Dương Bảo Kiên - Kế toán trưởng | 137.586.200 | 38.650.000 | - | 176.236.200 |
| Cộng | 604.785.200 | 171.600.000 | 108.000.000 | 884.385.200 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-------------|
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất | Cổ đông lớn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Chia cổ tức

220.626.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là Dịch vụ bến bãi, kho xưởng, quày quán, điện, nước. Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không cần trình bày Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Thông tin khác

Năm 2019, Công ty đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định ra Tòa án do khách hàng này vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê kho. Trong năm 2020, Tòa án đã có Quyết định theo bản án số 17/2020/KDTM-ST ngày 29/08/2020, theo đó: Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định phải thanh toán giá trị hợp đồng thuê kho đến hết tháng 08/2020, số tiền 2.998.620.600 VND (bao gồm 10% VAT); Công ty TNHH MTV Đá Granite Bình Định phải chịu trách nhiệm di dời hàng hóa trong kho để trả lại mặt bằng cho Công ty và phải trả tiếp tục tiền thuê kho theo hợp đồng đã ký kết từ tháng 09/2020 cho đến thời điểm bàn giao mặt bằng cho Công ty.

Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai đã ra thông báo số 43/TB-CCTHADS ngày 07/01/2022 về việc cưỡng chế thi hành án, bằng biện pháp: cưỡng chế trả lại mặt bằng kho xưởng theo Hợp đồng số: 69/09/18/HĐ – VTHH ngày 16/5/2018 cho Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội. Công ty đã phối hợp với Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai thực hiện theo thông báo, thu hồi một phần mặt bằng kho cho Công ty và đưa vào khai thác bắt đầu từ tháng 04/2022. Công ty đã ngừng ghi nhận doanh thu cho thuê kho đối với khách hàng này kể từ tháng 9/2019. Nếu thực hiện theo phán quyết của Tòa án, ngoài số nợ đang phản ánh trên khoản mục “Phải thu khách hàng” (xem Thuyết minh V.3), Công ty TNHH Đá Granite Bình Định còn phải trả Công ty tiền thuê kho từ tháng 10/2019 đến hết tháng 8/2020 là 1.571.722.200 VND và tiền thuê từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021 (do chưa hoàn trả mặt bằng) là 750.965.600 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu và nợ phải thu này, do chưa chắc chắn về khả năng thu được tiền.

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Đức Duy

Kế toán trưởng



Dương Bảo Kiên



Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

